

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm H**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thành L là vợ chồng chung sống từ năm 2010, hôn nhân của anh chị là tự nguyện quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai vào ngày 27/8/2011. Quá

trình chung sống, anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N (nữ, sinh ngày 28/10/2011) và Nguyễn Thị Tuyết T (nữ, sinh ngày 17/4/2013).

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, anh L không quan tâm gia đình và vợ con. Chị đã cố gắng nín nhịn mong muốn duy trì hôn nhân chăm lo cho con, hàn gắn hạnh phúc nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh L đã ly thân nhau khoảng hơn 1 tháng. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Nguyễn Thị Tuyết N (nữ, sinh ngày 28/10/2011) và Nguyễn Thị Tuyết T (nữ, sinh ngày 17/4/2013) hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu T đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Tại Bản tự khai đề ngày 19/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:*

Anh thống nhất ý kiến với phần trình bày của chị Lê Thị Cẩm H về quá trình hôn nhân giữa anh và chị H. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tình cảm và kinh tế nên thường xuyên cãi vã. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên vợ, thỉnh thoảng anh muốn đưa con về thăm ông bà nội thì chị H và gia đình bên vợ không đồng ý. Sự việc kéo dài như vậy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, anh đã về nhà cha mẹ ruột ở từ khoảng tháng 6/2018 và vợ chồng cũng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Do vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N (nữ, sinh ngày 28/10/2011) và Nguyễn Thị Tuyết T (nữ, sinh ngày 17/4/2013). Anh đồng ý ổn định cho chị H nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con; đồng thời anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo luật định. Tại phiên hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu T đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có. Trường hợp phải giao cháu T cho anh L nuôi dưỡng, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu T trưởng thành.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành L đồng ý ly hôn với chị H. Anh L đồng ý cho chị H được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành, chị H và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Cẩm H và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện ly hôn và tranh chấp vấn đề nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 27/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị H và anh L cùng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý. Ngoài ra, việc gia đình bên vợ ngăn cản anh L đưa các con về thăm ông bà nội cũng là nguyên nhân khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã

thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh L cùng thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N (nữ, sinh ngày 28/10/2011) và cháu Nguyễn Thị Tuyết T (nữ, sinh ngày 17/4/2013). Hiện chị H đang nuôi dưỡng cháu N và cháu T. Chị H và anh L đã thống nhất thỏa thuận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hiện chị H và anh L đang tranh chấp với nhau về việc nuôi dưỡng cháu T nên Hội đồng xét xử cần xem xét, đánh giá toàn diện về mọi mặt nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho trẻ.

Tại phiên tòa, chị H cho rằng chị có dành dụm được một số tài sản riêng, hiện chị có công việc và thu nhập ổn định đủ đảm bảo cuộc sống cho các con nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu T đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Còn công việc và thu nhập của anh L thì không ổn định, cháu T là nữ nên sống cùng với mẹ sẽ tốt hơn. Do đó, chị H không đồng ý giao cháu T cho anh L nuôi dưỡng. Về phía anh L, mặc dù có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T nhưng anh L không chứng minh được thu nhập của mình, hiện anh L là lao động tự do, thu nhập mỗi ngày khoảng 200.000 đồng đủ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu T. Anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T vì muốn được tự mình nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, anh L không hề tới lui thăm con và cũng không hỗ trợ chi phí để chị H nuôi con, vấn đề này đã được anh L thừa nhận tại phiên tòa. Ngoài ra, anh L cũng xác định từ trước đến nay chị H luôn chăm sóc và nuôi dưỡng các con rất tốt, vẫn đáp ứng các nhu cầu về ăn ở, sinh hoạt và học tập của các cháu. Mặt khác, từ khi được sinh ra đến nay, cháu T đã sống chung gia đình bên ngoại cùng với mẹ và chị (là cháu N). Do đó, nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu cũng như đảm bảo cho việc phát triển tâm sinh lý của cháu T, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh L không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh L quyền được thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L cùng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N (nữ, sinh ngày 28/10/2011) và cháu Nguyễn Thị Tuyết T (nữ, sinh ngày 17/4/2013) cho chị Lê Thị Cẩm H nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

* Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm H phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền chị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 005523 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND xã Thới Thạnh, H.Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế